

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP
[trước đây là Công ty Cổ phần Vincom]
191 phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý II của năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2012	Năm 2011	Quý II '2012	Quý II '2011
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3,786,394,687,154	860,047,346,360	1,903,618,535,135	386,625,437,302
Các khoản giảm trừ	02	VI.1	637,982,098		569,245,998	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3,785,756,705,056	860,047,346,360	1,903,049,289,137	386,625,437,302
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,537,802,132,996	305,577,510,571	1,104,098,899,074	111,304,379,812
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,247,954,572,061	554,469,835,789	798,950,390,064	275,321,057,489
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	767,116,127,247	586,800,666,239	596,302,686,094	355,675,138,278
Chi phí tài chính	22	VI.4	588,131,034,413	432,355,155,256	246,445,744,133	146,773,788,077
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		521,202,944,280	384,923,121,959	210,419,144,489	188,167,240,191
Chi phí bán hàng	24	VI.5	91,626,523,762	51,870,556,742	46,644,130,531	33,766,589,909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	443,927,935,828	92,997,547,877	243,798,637,893	45,653,784,753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,891,385,205,305	564,047,242,153	858,364,563,601	404,802,033,030
Thu nhập khác	31	VI.6	37,029,009,068	76,361,022,706	27,355,951,301	31,326,387,723
Chi phí khác	32	VI.7	47,812,900,570	103,778,708,340	2,296,311,710	44,294,619,257
Lợi nhuận khác	40		(10,783,891,502)	(27,417,685,634)	25,059,639,591	(12,968,231,534)
Lợi nhuận trong các cty liên kết	45		(2,237,907,930)	74,688,050,227	1,732,382,370	14,453,722,689
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,878,363,405,873	611,317,606,746	885,156,585,562	406,287,524,184
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	529,232,451,438	140,509,333,813	208,167,531,691	90,913,446,525
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.8	(3,702,060,105)		(25,001,354)	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,352,833,014,540	461,620,715,142	677,014,055,225	308,242,547,851
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		96,194,810,073	112,270,671,185	132,774,553,307	64,198,696,932
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông c.ty mẹ	62		1,256,638,204,467	349,350,043,957	544,239,501,918	244,043,850,919
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,964	687	851	664

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc


Lê Thị Thu Thủy